

Số: 940.../QĐ-LTT-TTĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận hoàn thành khóa học cho học viên các lớp ngắn hạn
Đợt tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề;

Căn cứ kết quả thi cuối khóa của học viên ngắn hạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 162 học viên các lớp ngắn hạn đã hoàn thành khóa học và được cấp Chứng chỉ đào tạo đợt tháng 9 năm 2018. Trong đó:

1. Tin học Ứng dụng CB: 162 học viên (có danh sách đính kèm)

Điều 2. Các học viên trên được cấp Chứng chỉ đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Đợt tháng 9 năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 940... /QĐ-LTT-TTĐT ngày 07 tháng 9 năm 2018
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
1	15000635	Phan Thanh An	01/11/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
2	16001462	Huỳnh Bảo Ân	09/08/1998	nam	10.0	3.0	6.5	Trung bình
3	17002210	Hoàng Quốc Anh	10/12/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
4	14000813	Bùi Tuấn Anh	22/03/1995	nam	9.0	7.0	8.0	Giỏi
5	15002725	Trần Thanh Bằng	25/10/1997	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
6	16003917	Ông Gia Bảo	30/07/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
7	16003920	Nguyễn Hoàng Anh Bảo	26/06/1995	nam	10.0	7.0	8.5	Giỏi
8	15000994	Nguyễn Ngọc Cảnh	11/02/1996	nam	7.5	7.5	7.5	Khá
9	15001021	Nguyễn Văn Chánh	24/01/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
10	15002507	Trần Thị Chung	03/03/1996	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
11	16000181	Lê Văn Chung	24/03/2001	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
12	14000488	Lê Cao Cường	08/09/1996	nam	5.0	6.5	5.8	Trung bình
13	15002064	Nguyễn Văn Dao	08/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
14	17000107	Vi Quang Đạt	21/07/1995	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
15	16001908	Nguyễn Ngọc Diệp	09/07/1997	nam	8.0	7.0	7.5	Khá
16	15000590	Nguyễn Ngọc Đô	07/04/1997	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
17	15001480	Phạm Văn Doan	07/02/1997	nam	10.0	5.0	7.5	Trung bình
18	17004523	Dương Văn Đông	01/02/1994	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
19		Nguyễn Hoàng Đông	05/06/1999	nam	9.0	8.0	8.5	Giỏi
20	13D2010040	Nguyễn Hoài Đức	07/07/1995	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
21	17000312	Phan Lê Quốc Dũng	31/01/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
22	14000928	Nguyễn Tuấn Dũng	19/05/1996	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
23	15002723	Phan Trường Dương	22/05/1997	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
24	15003288	Phạm Ngọc Dương	23/06/1996	nam	10.0	7.0	8.5	Giỏi
25	15000770	Nguyễn Thanh Duy	28/08/1997	nam	9.5	3.5	6.5	Trung bình
26	17003026	Hà Thị Gấm	02/02/1999	nữ	9.0	9.5	9.3	Giỏi
27	13B2040042	Trần Xuân Giang	20/01/1994	nam	9.0	4.0	6.5	Trung bình
28	16003424	Hồ Hồng Hải	04/06/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
29	14000933	Lê Văn Hải	03/05/1996	nam	8.0	8.5	8.3	Giỏi
30	15001419	Cao Sơn Hải	29/03/1996	nam	9.5	4.0	6.8	Trung bình
31	16003653	Nguyễn Anh Hào	08/12/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
32	16000832	Lê Nguyễn Mỹ Hào	24/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
33	15003045	Lê Ngọc Hào	08/02/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
34	16001927	Trương Phúc Hậu	22/09/1998	nam	9.0	6.0	7.5	Khá
35	15002699	Nguyễn Minh Hiền	08/12/1995	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
36	15001069	Phạm Hoàng Hiệp	31/12/1992	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
37	15002032	Phạm Thanh Hiếu	08/09/1997	nam	5.0	6.0	5.5	Trung bình
38	16003959	Lê Đình Hòa	03/07/1993	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
39	15000515	Trương Khải Hoàn	01/10/1996	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
40	15003178	Nguyễn Đình Hợp	12/10/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
41	15002104	Uông Xuân Hùng	21/06/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
42	16003955	Nông Thi Hùng	02/07/1988	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
43	15001591	Nguyễn Xuân Hương	24/03/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
44	17000439	Đoàn Công Hưởng	13/03/1997	nam	10.0	10.0	10.0	Giỏi
45	15001446	Đặng Khánh Huy	14/05/1997	nam	10.0	3.0	6.5	Trung bình
46	16001436	Lã Quang Huy	05/09/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
47	15002459	Trịnh Đức Huy	13/11/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
48	17000314	Phan Văn Khang	25/05/1998	nam	9.0	3.5	6.3	Trung bình
49	15000760	Lê Ngọc Khang	25/05/1996	nam	8.0	6.5	7.3	Khá
50	17000313	Phan Văn Khánh	25/05/1998	nam	10.0	4.0	7.0	Trung bình



STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
51	16003477	Trần Quốc	Khánh	05/09/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
52	15001993	Văn Tấn	Kiệt	19/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
53	16000737	Phạm Hoàng	Lắm	10/09/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
54	16001069	Nguyễn Thị	Liều	27/07/1998	nữ	9.5	5.0	7.3	Trung bình
55	16002801	Nguyễn Hoàng	Linh	28/02/1998	nam	7.0	4.0	5.5	Trung bình
56	15001501	Khâu Trịnh Mỹ	Linh	20/09/1997	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
57	16003340	Nguyễn Văn	Linh	10/10/1996	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
58	15002822	Võ Huỳnh	Long	13/12/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
59	15000601	Nguyễn Hoàng	Long	01/03/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
60	16002303	Dương Đình	Long	20/05/1997	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
61	14000005	Hoàng Đức	Lưu	12/04/1996	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
62	15001059	Nguyễn Thành	Ly	20/06/1997	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
63	17003796	Nguyễn Thị Hương	Mai	05/07/1999	nữ	10.0	5.0	7.5	Trung bình
64	15002224	Trịnh Hữu	Mến	20/08/1997	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
65	14000694	Trần Thiện	Minh	09/09/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
66	16001301	Trần Hữu Hoàng	Minh	08/01/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
67	15001675	Ngô Công	Minh	05/11/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
68	14001061	Lại Hoàng	Minh	03/10/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
69	16000842	Hoàng Trung	Nam	17/04/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
70	15003260	Đặng Đình Phạm	Nam	11/06/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
71		Nguyễn Thành	Nam	16/02/1979	nam	8.0	8.0	8.0	Giỏi
72	15002944	Lê Thị Thu	Ngân	27/06/1997	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
73	15002583	Cần Trọng	Nghĩa	07/04/1997	nam	9.0	6.0	7.5	Khá
74	14000786	Trần Ngọc	Ngọc	15/08/1995	nam	9.5	5.5	7.5	Trung bình
75	15002152	Trương Công	Ngọc	28/07/1997	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
76	15003239	Nguyễn Văn	Nhân	17/07/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
77	15000660	Nguyễn Thành	Nhân	29/08/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
78		Nguyễn Chí	Nhân	22/02/1978	nam	10.0	9.0	9.5	Giỏi
79	17001942	Đoàn Trung	Nhất	04/02/1999	nam	9.0	4.0	6.5	Trung bình
80	15000881	Tổng Phước	Nhật	11/01/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
81	15000269	Nguyễn Minh	Nhật	24/09/1998	nam	8.5	4.0	6.3	Trung bình
82	17002167	Đặng Hiếu	Nhi	03/04/1996	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
83	15002023	Nguyễn Thị Thanh	Nhiên	22/11/1997	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
84	15002229	Trần Tứ	Nhiều	28/08/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
85	15003523	Võ Thành	Nhơn	28/09/1994	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
86	16003326	Trần Bá	Phát	28/12/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
87	14000607	Phạm Nguyễn Tấn	Phát	19/01/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
88	15002398	Trần Kim	Phát	31/05/1994	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
89	15000987	Nguyễn Tiến	Phát	02/02/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
90	15003559	Bùi Cao	Phi	23/05/1994	nam	7.5	4.0	5.8	Trung bình
91	16000844	Nguyễn Văn	Phi	10/10/1998	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
92	16003253	Nguyễn Trường	Phong	08/11/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
93	16002809	Phan Thị Hồng	Phúc	29/11/1998	nữ	5.0	5.5	5.3	Trung bình
94	17002243	Nguyễn Hồng	Phúc	16/01/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
95	15001957	Bùi Thị Thanh	Phương	03/03/1997	nữ	6.5	3.5	5.0	Trung bình
96		Đặng Vinh	Quan	16/02/1995	nam	6.5	5.5	6.0	Trung bình
97	15003213	Nguyễn Minh	Quốc	18/10/1997	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
98	15002287	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	12/11/1997	nữ	7.5	5.0	6.3	Trung bình
99	15001484	Phan Tấn	Sang	09/06/1997	nam	10.0	9.0	9.5	Giỏi
100	17000731	Nguyễn Văn	Sang	15/03/1997	nam	9.0	3.5	6.3	Trung bình
101	17000390	Trương Hoàng	Sang	09/08/1999	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
102	16000078	Phạm Minh	Sĩ	16/12/2000	nam	9.0	9.0	9.0	Giỏi
103	15001894	Phạm Ngọc	Son	12/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
104	15001770	Nguyễn Văn	Son	20/04/1996	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
105	12D206000	Nguyễn Văn	Son	16/02/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
106	17000357	Trần Trường	Son	28/08/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
107	15000734	Nguyễn Tấn	Tài	20/10/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
108	15000175	Nguyễn Quốc	Tài	28/10/1995	nam	10.0	10.0	10.0	Giỏi
109	15003547	Dương Tấn	Tài	05/07/1990	nam	9.0	9.5	9.3	Giỏi



Handwritten signature

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
110	15003429	Nguyễn Tấn	Tâm	22/09/1994	nam	8.5	5.5	7.0	Trung bình
111	15002504	Trần Thanh	Tân	18/03/1993	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
112		Trương Văn	Thắng	18/02/1993	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
113	15002017	Thái Văn	Thắng	02/04/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
114	16000934	Nguyễn Văn	Thắng	20/03/1997	nam	6.5	6.5	6.5	Trung bình
115	17000112	Trần Tuấn	Thanh	18/02/1995	nam	10.0	6.5	8.3	Khá
116	16001972	Huỳnh Chí	Thành	08/12/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
117	15003375	Trần Nguyễn Xuân	Thảo	07/03/1997	nữ	7.5	7.0	7.3	Khá
118	15001403	Trần Văn	Thi	15/04/1996	nam	10.0	3.0	6.5	Trung bình
119	17000816	Huỳnh Đức	Thi	02/12/1999	nam	10.0	3.0	6.5	Trung bình
120		Lê Xuân	Thiện	01/06/1965	nam	9.0	9.5	9.3	Giỏi
121	17004738	Nguyễn Văn	Thịnh	08/03/1998	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
122	15000784	Huỳnh Thị Xuân	Thời	11/05/1997	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
123	15003285	Phạm Ngọc	Thống	28/08/1996	nam	5.0	6.0	5.5	Trung bình
124	16000340	Phạm Huỳnh Xuân	Thư	15/01/2001	nữ	6.5	3.5	5.0	Trung bình
125	16001188	Huỳnh Chí	Thuần	27/10/1996	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
126	16001220	Trần Văn	Thuận	10/10/1998	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
127	1400526	Trần Đức	Thuận	02/11/1994	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình
128	15002907	Lê Thị Nguyên	Thương	12/10/1997	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
129	15002606	Võ Khánh	Tiên	02/01/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
130	15001241	Phan Văn	Tiên	02/02/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
131	16002500	Nguyễn Văn Mạnh	Tiến	17/04/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
132	16001651	Trịnh Văn	Tiến	20/12/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
133	16002587	Nguyễn Tân	Tiến	04/01/2001	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
134	16002038	Tăng Minh	Tính	02/07/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
135		Trương Bảo	Toàn	01/08/1999	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
136	15003295	Huỳnh Hữu	Toàn	24/12/1997	nam	8.5	4.0	6.3	Trung bình
137	15003411	Nguyễn Trọng	Trí	12/08/1997	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
138		Lê Đức	Trọng	21/03/1997	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
139	15000105	Đinh Trần Quang	Trung	08/02/2000	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
140	17000793	Nguyễn Tiến	Trung	22/07/1999	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
141	15000768	Nguyễn Quang	Trung	28/10/1996	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
142	15000687	Nguyễn	Trung	11/08/1997	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
143	15002105	Trần Phùng	Trung	31/08/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
144	15001975	Nguyễn Hữu	Trường	20/08/1995	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
145	15001757	Võ Nhật	Trường	28/02/1996	nam	7.5	6.0	6.8	Trung bình
146	16000954	Hồ Quang	Trường	02/06/1998	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
147	15002850	Lương Văn	Tử	25/12/1997	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình
148	16003954	Phạm Trần Quốc	Tuấn	08/11/1980	nam	9.5	4.0	6.8	Trung bình
149	16000843	Ngô Đức Anh	Tuấn	16/02/1998	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
150	15002299	Nguyễn Đình	Tùng	28/04/1997	nam	7.0	4.0	5.5	Trung bình
151	16002920	Nông Thị Kim	Tuyến	12/06/1998	nữ	5.0	5.0	5.0	Trung bình
152	15001500	Lưu Thị Bích	Vân	23/01/1997	nữ	7.5	3.0	5.3	Trung bình
153	17000764	Nguyễn Thanh	Việt	06/09/1998	nam	9.0	6.0	7.5	Khá
154	17003720	Đinh Hoàng	Vinh	11/09/1999	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình
155	14000535	Trương Phúc	Vinh	23/08/1996	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
156	15000755	Huỳnh Phong	Võ	25/11/1997	nam	8.5	4.0	6.3	Trung bình
157	17000222	Nguyễn Long Hoàn	Vũ	21/01/1996	nam	10.0	5.5	7.8	Trung bình
158	17000719	Trần Anh	Vũ	12/01/1999	nam	9.5	10.0	9.8	Giỏi
159	15003071	Bùi Vỹ	Vỹ	24/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
160	13D301D179	Lương Triều	Vỹ	21/06/1995	nam	9.0	5.5	7.3	Trung bình
161	16000386	Huỳnh Thị Ngân	Xuyên	16/11/2001	nữ	9.0	6.0	7.5	Khá
162	14000628	Nguyễn Như	Ý	20/08/1995	nam	5.0	7.0	6.0	Trung bình

(Danh sách có 162 học viên)



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc